

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **3509/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày **25** tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá trị vật liệu thu hồi tài sản trên đất tại mặt bằng khu đất
thu hồi của Công ty TNHH một thành viên 508**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3210/STC-VG
ngày 18/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị vật liệu thu hồi tài sản trên đất tại mặt bằng khu
đất thu hồi của Công ty TNHH một thành viên 508, phường Bùi Thị Xuân, thành
phố Quy Nhơn là 140.768.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu, bảy trăm sáu
mươi tám nghìn đồng*) có danh mục tài sản kèm theo.

Điều 2. Đồng ý hỗ trợ vật liệu thu hồi tài sản trên đất nêu tại Điều 1 cho
Công ty TNHH một thành viên 508. Công ty TNHH một thành viên 508 có trách
nhiệm tổ chức tháo dỡ thu hồi vật liệu, giao trả mặt bằng cho Nhà nước chậm nhất
đến hết ngày 15/12/2013. Trường hợp, sau ngày 15/12/2013 nếu Công ty TNHH
một thành viên 508 không tháo dỡ, di chuyển để giao trả mặt bằng cho Nhà nước,
giáo Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất tỉnh có trách nhiệm tổ chức bán
thanh lý vật liệu thu hồi, thu nộp ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Tài
nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất
tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên 508 và Thủ trưởng các đơn vị có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Các PVPNN, CN;
- Lưu: VT + K7, K14 (A.14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Quốc Dũng



Phụ lục 01

Đánh mục tài sản vật liệu thu hồi trên đất thuộc mặt bằng
Đánh mục tài sản vật liệu thu hồi một thành viên 508 phục vụ thanh lý
 theo Quyết định số **3509/QĐ-UBND**
 ngày **15** tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh

TT	Tên tài sản	ĐVT	Tổng khối lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Nhà cửa, vật kiến trúc				
1	Hàng rào kẽm gai trụ sắt bảo vệ bãi xe (hỗ trợ công tháo dỡ)				Không thu hồi
2	Hàng rào lưới B40				Đã mất
3	Cổng sắt				Đã mất
4	Kè xây đá chẻ quanh hàng rào để chắn nước				Giá trị vật tư thu hồi không đủ bù đắp chi phí tháo dỡ
5	Cổng sắt thô sơ vào cổng				Đã mất
6	Bể nước nổi chứa chảy xây gạch				Không có vật tư thu hồi
7	Cầu rửa xe ô tô xây đá chẻ				Giá trị vật tư thu hồi không đủ bù đắp chi phí tháo dỡ
8	Giếng đóng				Không có vật tư thu hồi
9	Trụ bê tông đổ tại chỗ				Đã mất
10	Tấm đan bê tông đổ tại chỗ				Đã mất
11	Cổng sắt mở kiểu bàn lê vào kho				Đã mất
12	Trụ cổng xây bằng đá chẻ				Giá trị vật tư thu hồi không đủ bù đắp chi phí tháo dỡ
13	Giếng bọng				Không có vật tư thu hồi
14	Ông buy bê tông (hỗ trợ di dời)				Không thu hồi
15	Tường xây gạch				Không có vật tư thu hồi
16	Lưới B40 bảo vệ nhà xe				Đã mất
17	Nhà kho lợp ngói, tường xây gạch				
-	Xà gỗ 5cm x 10cm x 3m	m ³	0.84	2.100.000	
-	Cầu phông 3cm x 5cm x 4,2m	"	0.71	1.198.500	
-	Ly tô 2cm x 2cm x 3m	"	0.09	27.280	
18	Nhà kho lợp ngói, tường xây gạch				
-	Xà gỗ 6cm x 12cm x 3,3m	m ³	0.95	2.470.000	
-	Xà gỗ 5cm x 10cm x 6,4m	"	0.19	480.000	
-	Xà gỗ 5cm x 10cm x 10m	"	0.05	125.000	
-	Cầu phông 3cm x 5cm x 4m	"	0.19	329.800	
19	Nhà kho lợp ngói, tường xây gạch, nền đất				Đã tháo dỡ

Am 2

20	Sân bê tông				Không có vật tư thu hồi
21	Giếng bông xây đá chẻ				Giá trị vật tư thu hồi không đủ bù đắp chi phí tháo dỡ
22	Nền xi măng sân giếng				Không có vật tư thu hồi
23	Nhà tập thể mái lợp ngói, nền xi măng				Đã hư hỏng nặng
-	Xà gỗ 6cm x 12cm x 3,3m	m ³	0.69	1.722.500	
24	Bể nước nổi chứa cháy xây gạch				Không có vật tư thu hồi
25	Nhà mái lợp ngói, tường xây gạch				Đã hư hỏng nặng, không có vật tư thu hồi
26	Giếng bông xây gạch				Không có vật tư thu hồi
27	Nhà tập thể mái lợp ngói, tường xây gạch				
-	Xà gỗ 5cm x 14cm x 7,3m	m ³	0.61	1.525.000	
-	Xà gỗ 6cm x 12cm x 8m	"	0.34	884.000	
-	Xà gỗ 5cm x 10cm x 9,3m	"	0.28	697.500	
28	Nhà tập thể mái lợp ngói, tường xây gạch				Đã hư hỏng nặng
-	Xà gỗ 6cm x 12cm x 3,3m	m ³	0.62	1.604.200	
29	Mương thoát nước xây đá chẻ				Giá trị vật tư thu hồi không đủ bù đắp chi phí tháo dỡ
30	Trụ điện ly tâm dài 7m	trụ	13	2.600.000	06 trụ hiện người dân trong khu tập thể đang sử dụng
31	Tường xây gạch				Khối lượng vật tư thu hồi không bù chi phí tháo dỡ
32	Đường nội bộ				Không có vật tư thu hồi
33	Cống thoát nước bằng BTCT				Đã mất
II Nhà xưởng, công trình tháo dỡ di dời					
1	Xưởng gara mái lợp tole, khung kèo thép gia công, nền bê tông				
-	Thép hình I (180x100) dày 5,1mm	kg	2.786	22.288.000	
-	Thép giằng C (175x65) dày 2,3mm	"	427.72	3.421.760	
-	Xà gỗ C (125x50) dày 2,3mm	"	1.591	12.728.000	
-	Tole mái dày 0,43mm	"	1.822.25	9.111.250	
2	Mái hiên lợp tole, nền đất, kèo sắt gia công				Đã tháo dỡ
3	Nhà để xe máy, mái lợp tole, khung kèo thép gia công				Đã tháo dỡ
4	Xưởng gia công chế tạo, mái tole, khung kèo thép gia công				
-	Thép tròn phi 152 dày 5mm	kg	1.813.06	14.504.512	
-	Thép hình I (180x100) dày 5,1mm	"	481.58	3.852.640	
-	Xà gỗ C (125x50) dày 2,3mm	"	834.20	6.673.600	
-	Tole mái dày 0,53mm	"	1.199.39	5.996.928	
5	Nhà kho xưởng gia công, mái lợp tole, bao che bằng tole				
-	Kèo gỗ 10cm x 10cm x 3m	m ³	0.03	75.000	

-	Kèo gỗ 10cm x 5cm x 3m	"	0.03	75.000	
-	Thép tròn phi 152 dày 5mm	kg	112.38	899.040	
-	Thép hình I (180x100) dày 5,1mm	"	59.70	477.600	
-	Tole bao che dày 0,53mm	"	168.08	840.420	
-	Tole mái dày 0,53mm	"	80.85	404.271	
6	Mái hiên lợp tole, nền đất, kèo gỗ				Đã tháo dỡ
7	Hiên lợp tole				Đã tháo dỡ
8	Nhà để vật tư, mái lợp tole, bao che bằng tole				Đã tháo dỡ
9	Nhà xưởng cơ khí, mái lợp tole, cột sắt, nền đất				
-	Trụ sắt phi 60 dày 4mm	kg	104.45	835.584	
-	Xà gỗ hộp (40x40) dày 1,8mm	"	78.38	627.072	
-	Tole mái dày 0,43mm	"	217.49	1.087.440	
	Tổng cộng			99.661.897	

Am



Phụ lục 02

Danh mục tài sản vật liệu thu hồi trên đất đã tháo dỡ và bị mất tại mặt bằng

Công ty TNHH một thành viên 508

Kèm theo Quyết định số **3509/QĐ-UBND**

ngày **05** tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên tài sản	ĐVT	Tổng khối lượng đã bồi thường	Giá trị vật liệu đề nghị thu hồi (đồng)	Ghi chú
I	Nhà cửa, vật kiến trúc				
2	Hàng rào lưới B40	m ²	59.20	1.243.200	Trừ công tháo dỡ
3	Cổng sắt	"	2.70	429.300	Thu hồi đủ
5	Cổng sắt thô sơ vào cổng	"	10.40	1.653.600	Thu hồi đủ
9	Trụ bê tông đổ tại chỗ	m ³	1.06	0	Chi phí không đủ giá trị TH
10	Tấm đan bê tông đổ tại chỗ	"	1.37	0	Chi phí không đủ giá trị TH
11	Cổng sắt mở kiểu bản lề vào kho	m ²	11.00	3.531.000	Thu hồi đủ
16	Lưới B40 bảo vệ nhà xe	"	200.00	4.200.000	Trừ công tháo dỡ
19	Nhà kho lợp ngói, tường xây gạch, nền đất	"	165.00	3.162.225	
33	Cổng thoát nước bằng BTCT	m ³	1.39	0	Chi phí không đủ giá trị TH
II	Nhà xưởng, công trình tháo dỡ di dời				
2	Mái hiên lợp tole, nền đất, kèo sắt gia công	m ²	35.34	3.742.753	
3	Nhà để xe máy, mái lợp tole, khung kèo thép gia công	"	96.00	10.167.072	
6	Mái hiên lợp tole, nền đất, kèo gỗ	"	19.76	2.092.722	
7	Hiên lợp tole	"	30.08	3.185.683	
8	Nhà để vật tư, mái lợp tole, bao che bằng tole	"	46.50	7.698.122	
	Tổng cộng			41.105.677	

Am